

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/DS-ST  
Ngày 31 tháng 7 năm 2019  
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Duyên Văn Hiền; Ông Nguyễn Văn Hận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp bảo lãnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019 và quyết định xét xử bổ sung số 149A/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị R, sinh năm 1966 (có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1985 (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1963 (có mặt).

2/ Ông Trần Văn B (vắng mặt).

3/ Bà Trần Thị Q (vắng mặt).

4/ Ông Trần Văn H, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

5/ Ông Trần Văn Đến (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thị Tường, xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

6/ Bà Trần Thị B (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

7/ Bà Trần Thị H (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2019, nguyên đơn bà Trần Thị R trình bày:*

Vào năm 2015, ông Trần Văn Đạt, sinh năm 1933, địa chỉ: Ấp Tân Thành, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau có hỏi mượn của bà số tiền

20.000.000đồng. Đến ngày 18/11/2015, ông Đạt chết, cháu ngoại của ông là Nguyễn Ngọc P có cam kết đứng ra trả số nợ cho bà mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 20.000.000 đồng, thời gian trả bắt đầu từ ngày 26/7/2017a, việc cam kết này có lập tờ cam kết vào ngày 15/9/2017 và có sự chứng kiến của bà Trần Ngọc T là mẹ ruột của chị P. Khi thực hiện cam kết bà T và chị P có trả cho bà được 06 kỳ, bằng 6.000.000 đồng đến nay không trả nữa.

Nay bà yêu cầu chị Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ trả tiếp cho bà số tiền còn lại 14.000.000 đồng.

*Bị đơn chị Nguyễn Ngọc P trình bày:* Chị thống nhất trình bày của nguyên đơn về thời gian cam kết nhận nợ; chị thừa nhận có nhận cam kết số tiền mà ông Trần Văn Đạt nợ bà R và đã đóng được 06 kỳ với số tiền 6.000.000 đồng còn lại 14.000.000 đồng. Qua việc hòa giải ở địa phương về phần tài sản của ông Đạt chết để lại chưa giải quyết xong nên chị không đồng ý trả tiếp cho bà R số tiền còn lại như đã cam kết. Do đó, chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà R.

Bà Trần Thị Tua thống nhất theo trình bày của chị P không có ý kiến gì

Ông Trần Văn H trình bày: Ông không biết chị P làm cam kết với bà R để nhận số nợ 20.000.000 đồng. Ông thừa nhận trước khi cha ông là ông Trần Văn Đạt (đã chết) có nợ bà R số tiền 20.000.000 đồng. Khi cha ông chết ông có cảm cố và sau đó chuyển nhượng luôn phần đất của cha ông cho chị P. Sau đó các anh em của ông không đồng ý nên việc mua bán không thành nếu sau này phần tài sản của ông Đạt giao cho ai thì người đó có trách nhiệm trả số tiền 20.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ tờ cam kết vào ngày 15/9/2017, chị Nguyễn Ngọc P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiếp cho bà Trần Thị R 14.000.000 đồng nên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà R. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo.

- *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Ngọc P có nơi cư trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C.; nội dung tranh chấp là hợp đồng bảo lãnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Liên quan đến số tiền mà ông Trần Văn Đạt vay trước đây nhưng do ông Đạt chết nên chị P đứng ra bảo lãnh theo tờ cam kết ngày 15/9/2017, khi thực hiện cam kết, chị P đã đóng cho bà R được 6.000.000 đồng, còn thiếu lại 14.000.000 đồng nên bà R khởi kiện yêu cầu chị P tiếp tục thanh toán số tiền còn lại. Như vậy, quan hệ tranh chấp là tranh chấp bảo lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429; Điều 335 và khoản 1 Điều 342 của Bộ luật dân sự 2015;

*-Về tư cách đương sự:* Bà Trần Thị R là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự bà R là nguyên đơn, chị P là bị đơn, bà T, ông B, bà Q, ông H, ông Đến, bà B, bà H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn B, bà Trần Thị Q, ông Trần Văn Đến, bà Trần Thị B, bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Theo bà R trình bày, vào năm 2015, bà có cho ông Trần Văn Đạt vay 20.000.000 đồng, lãi suất 700.000 đồng/tháng. Do quen biết với nhau nên không có làm văn bản. Từ khi vay phía ông Đạt không có trả cho bà. Đến ngày 18/11/2015, ông Đạt chết, cháu ngoại của ông Đạt là chị Nguyễn Ngọc P đứng ra bảo lãnh trả số tiền trên cho bà tính từ ngày 26/7/2017 đến ngày tháng 12/2017 chị P đã thanh toán cho bà được 6.000.000 đồng, sau đó không trả nữa. Lý do, chính quyền địa phương không cho chị P trả. Bà R có đơn yêu cầu đến chính quyền địa phương. Ngày 09/8/2018 Ủy ban nhân dân xã Phong Lạc có Công văn số 182/UBND về việc trả lời nội dung yêu cầu của công dân. Xác định không có ngăn cản việc chị P trả nợ cho ông Đạt.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Tại phiên tòa, bà R chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị P trả cho bà số tiền còn lại 14.000.000 đồng, còn lãi suất bà không yêu cầu. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử bà R có cung cấp cho Tòa án tờ cam kết ghi ngày 15/9/2017 giữa chị P với bà và bà Trần Ngọc T, có sự tham gia xác nhận của ông Võ Văn Đâu- Công an ấp Tân Thành có thể hiện nội dung cam kết chịu trách nhiệm trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà R, chị P đã trả được 6.000.000 đồng. Nay bà R yêu cầu chị P trả tiếp số tiền còn lại 14.000.000 đồng.

Tại phiên tòa chị P thừa nhận có làm tờ cam kết ngày 15/9/2017 nhận trả số tiền 20.000.000 đồng, chị đã trả được 6.000.000 đồng, còn lại 14.000.000 đồng chị không đồng ý trả là do phần tài sản của ông ngoại chị là ông Trần Văn Đạt (đã chết) chưa giải quyết xong nên chị không đồng ý trả số tiền còn lại cho bà R. Vì trước đây chị có thỏa thuận với ông Trần Văn H là cậu của chị để nhận chuyển nhượng phần tài sản của ông Đạt nhưng giao dịch không thành nên chị không đồng ý trả tiếp số tiền còn lại cho bà R. Chị yêu cầu Tòa án đưa các người con của ông Đạt vào tham gia tố tụng để xác định ai là người thừa hưởng tài sản của ông Đạt thì có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà R, vì chị không có sử dụng số tiền 20.000.000 đồng này.

Xét, giao dịch vay tiền giữa ông Đạt với bà R thực tế không có xác lập bằng văn bản nhưng được chị P với bà R thừa nhận tại tờ cam kết ngày 15/9/2017 nên đây được xem là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như

lời thừa nhận của chị P là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với việc chị P cho rằng số tiền trên là do ông Trần Văn Đạt vay. Ông Đạt (đã chết) thì những người con của ông Đạt có trách nhiệm trả số tiền này. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mời nhưng người con của ông Đạt tham gia tố tụng nhưng các người con của ông Đạt vắng mặt, cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Chỉ có ông H tham gia cũng thống nhất nếu sau này ai là người thừa kế tài sản của ông Đạt thì có nghĩa vụ trả số tiền trên lại cho chị P. Nếu sau này có căn cứ chứng minh thì chị có quyền khởi kiện yêu cầu các người con của ông Đạt bằng vụ kiện dân sự khác.

Về lãi suất: Bà R không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Ngọc P phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch với tổng số tiền buộc trả cho nguyên đơn; bà R được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 68; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 92; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 196; Điều 205; khoản 1 Điều 207; Điều 208; Điều 210; khoản 1 Điều 220; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Áp dụng** Điều 335; Điều 336 và khoản 2 Điều 342; Điều 429 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

##### ***1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị R***

Buộc chị Nguyễn Ngọc P có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị R số tiền 14.000.000 đồng (*Bằng chữ: mười bốn triệu đồng*).

*Kể từ ngày bà Trần Thị R có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Ngọc P không thi hành xong khoản tiền trên, chị Nguyễn Ngọc P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.*

**2. Về án phí:** Chị Nguyễn Ngọc P phải chịu số tiền 700.000 đồng; Bà Trần Thị R được nhận lại số tiền 350.000 đồng theo biên lai thu số 0003021 ngày 25/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Lê Chí Công**